

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH LỤC  
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 25/3/2024  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Ngọc Sơn và bà Nguyễn Thị Thúy Lan.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Bảy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1982; nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình L, sinh năm 1984; nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Đình L vào ngày 10/7/2009, tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; trước khi cưới được tự nguyện tìm hiểu. Sau ngày cưới vợ chồng hòa thuận đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L thường xuyên rượu chè say xỉn và mắng chửi vợ con, không chịu làm ăn, đến tháng 5/2022 do không chịu đựng nổi anh L chị đã chuyển đi thuê nhà trọ để ở cùng với 2 con và vợ chồng

sống ly thân nhau từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn; đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Lục giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Đình L trình bày:

Về hôn nhân: Anh nhất trí như chị H đã trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn, anh không bổ sung gì thêm. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hòa thuận bình thường, không hiểu lý do tại sao khoảng tháng 5/2022 chị H tự ý thuê nhà trọ để cùng 2 con ra ở riêng. Anh xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do kinh tế gia đình khó khăn, anh làm ăn thua lỗ. Việc chị H đề nghị ly hôn anh, anh xác định anh có lúc vui vẻ bè bạn có uống rượu nhưng không đánh chửi vợ con, anh không bỏ vợ, bỏ con và không muốn các con phải khổ nhưng anh cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ của vợ chồng.

Về con chung: Chị H, anh L xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hải Y, sinh ngày 16/8/2009 và cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 27/11/2013. Ly hôn, chị H, anh L thống nhất giao chị H nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 27/11/2013; giao anh L nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải Y, sinh ngày 16/8/2009. Chị H, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị H và anh L đều xác định, ngày 10/7/2009 anh chị đăng ký kết hôn nhưng đến ngày 16/8/2009 đã sinh cháu Nguyễn Hải Y. Anh, chị xác định cháu Y là con chung của vợ chồng.

Tại các Biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Hải Y và cháu Nguyễn Đình T thì cháu Y có nguyện vọng muốn được ở với bố; đối với cháu T thì có nguyện vọng muốn được ở với mẹ.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị H và anh L đều xác định không có, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Không vi phạm; Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa chị H và anh L; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải Y cho anh L nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Đình T cho chị H nuôi dưỡng; anh chị không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Về án phí ly hôn: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H xin ly hôn anh Nguyễn Đình L, đây là quan hệ pháp luật về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; anh Lợi có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Đình L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 10/7/2009 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, chị H thuê nhà trọ ở riêng và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn, chị H cho rằng do anh L thường xuyên rượu chè say xỉn và mắng chửi vợ con, không chịu làm ăn, còn anh L xác định mâu thuẫn vợ chồng là do kinh tế gia đình khó khăn, anh làm ăn thua lỗ. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H kiên quyết đề nghị ly hôn anh L. Anh L có quan điểm, anh không bỏ vợ, bỏ con, anh không muốn các con phải khổ nhưng anh L cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ của vợ chồng. Tại biên bản làm việc giữa Tòa án với chính quyền địa phương xã A thì địa phương có quan điểm mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh L xảy ra thời gian kéo dài, đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không được nên đề nghị Tòa án giải quyết việc anh chị ly hôn theo quy định của pháp luật để ổn định cuộc sống. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H, anh L đã trầm trọng và không có khả năng đoàn tụ, vì vậy xử cho chị H được ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H, anh L xác định vợ chồng có hai con chung là các cháu Nguyễn Hải Y, sinh ngày 16/8/2009 và cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 27/11/2013. Nếu ly hôn, chị H, anh L đều đề nghị giao anh L nuôi dưỡng cháu Y; giao chị H nuôi dưỡng cháu T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng, khả năng chăm sóc, giáo dục con của chị H, anh L là ngang nhau. Hiện các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường; cháu Y có nguyện vọng muốn được ở với anh L, cháu T có nguyện vọng muốn được ở với chị H. Do vậy để đảm bảo quyền lợi, nguyện vọng cho các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị H và anh L; giao cho chị H nuôi dưỡng cháu T; anh L nuôi dưỡng cháu Y. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị H, anh L đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Nguyễn Đình L.

**2.** Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải Y, sinh ngày 16/8/2009 cho anh L nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 27/11/2013 cho chị H nuôi dưỡng. Chị H, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H và anh L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh chị trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hải Y và cháu Nguyễn Đình T.

**3.** Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 0000552 ngày 16/11/2023 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị phải nộp (chị H đã thi hành xong tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Trần Thị H, anh Nguyễn Đình L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thu Hằng**